TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **121***/2019/HNGĐ-ST*
Ngày: 26-11-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp chia tài sản, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Trường

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

-Thư ký phiên tòa*:* Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 275/2019/TLST-HNGĐ, ngày 30/7/2019, về việc ly hôn, tranh chấp tài sản chung khi ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơ*n: Trương Thị Thanh H, sinh năm 1997. Có mặt.

Địa chỉ: Số 14 đường 69, thôn 8, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Hiện đang ở tại Số 6 đường 20, thôn 3, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2.Bị đơn: Nguyễn Văn D, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 14 đường 69, thôn 8, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1970. Vắng mặt; bà Phan Thị T, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 14 đường 69, thôn 8, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Bà Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1981. Vắng mặt; ông Nguyễn Q, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 360 đường ĐT 766, thôn 8, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Bà Phan Thị V, sinh năm 1972. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 4, thôn 5, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/7/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Thanh H trình bày:. Vào năm 2012 chị Trương Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn D làm đám cưới và chung sống với nhau. Đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã MP, huyện Đ. Trong cuộc sống vợ chồng không cùng quan điểm với nhau, sau khi làm nhà ở riêng, thì anh D thay đổi tính tình, không còn quan tâm đến vợ, con, đi làm không đưa tiền cho vợ trả nợ. Nguyên nhân anh D thay đổi tính tình là vì chị H đi dự đám cưới bạn và dự tất niên ở công ty về muộn. Từ đó anh D khó chịu và phân chia trách nhiệm giữa vợ chồng, tết vừa rồi chị H kêu anh D đưa 4.000.000 đồng để trả nợ, thì anh D bảo chị H đi đâu thì đi. Do vậy chị Hiện ôm con về nhà cha, mẹ ruột sống từ đó đến nay. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh D và yêu cầu ly hôn. Chị H và anh D có 01 con chung Nguyễn Văn Th, sinh ngày 23/11/2012, hiện chị H nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung của vợ chồng gồm có 01 căn nhà xây nằm trên

đất của cha, mẹ chồng tại thôn 8, xã MP; 01 xe mô tô, những tài sản khác, như ti vi, tủ lạnh . . . chị H không tranh chấp. Vợ chồng có nợ của một số người sau: nợ cha, mẹ chồng 40.000.000 đồng, nợ bà Tư A (Nguyễn Thị Hoàng A) khoảng 10.000.000 đồng, nợ dì V (Phan thị V) 5.000.000 đồng. Về tài sản chung chị H giao lại căn nhà và tài sản gắn liền trị giá như Hội đồng định giá cho anh D sở hữu. Yêu cầu anh D thối trả cho chị H 30.000.000 đồng, cùng 01 chiếc xe mô tô trị giá 10.575.000 đồng hiện chị H đang quản lý. Anh D phải có trách nhiệm trả hết các khoản nợ nêu trên.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Nguyễn Văn D trình bày: Anh D, chị H kết hôn năm 2014. Do chị H không muốn sống với anh D nên bỏ nhà đi từ ngày 5/1/2019 đến nay, anh D không đồng ý ly hôn. Nếu ly hôn anh D xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, Hội đồng định giá như vậy là không hợp lý, bởi căn nhà của vợ chồng là do cha, mẹ hai bên cho và vợ chồng cùng làm với tổng chi phí là 99.400.000 đồng. Trong quá trình làm nhà còn nợ cha, mẹ anh D 40.000.000 đồng, nợ dì V 5.000.000 đồng, nợ vật liệu Tư A 11.300.000 đồng. Yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản và nợ theo đúng pháp luật quy định.

-Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Tr và bà Phan Thị T trình bày: Vợ chồng ông Tr không muốn chị H và anh D ly hôn. Vợ chồng ông Tr có cho H và D xây 01 căn nhà trên đất của vợ chồng ông Tr. Trong quá trình H và D làm nhà vợ chồng ông Tr có vay Ngân hàng về cho H D vay lại 40.000.000 đồng, hiện tại H và D vẫn chưa trả nợ. Vợ chồng ông Tr yêu cầu H và D trả nợ 40.000.000 đồng và tiền lãi theo như lãi suất Ngân hàng. Tuy nhiên, ông Tr, bà T không làm đơn khởi kiện H và D tại Tòa án để yêu cầu trả nợ, mặc dù đã được Tòa án giải thích.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như bà Nguyễn Thị Hoàng A, Phan Thị V, ông Nguyễn Q, Tòa án đã triệu tập hòa giải, thông báo việc thụ lý vụ án, nhưng không ai đến Tòa án và cũng không có bất cứ yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Phần thủ tục: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: Hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống xãy ra nhiều mâu thuẩn, nên chấp nhận việc ly hôn. Về con chung nên giao cho chị H nuôi và anh D cấp dưỡng 01 tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản chung, nên giao căn nhà cho anh D, buộc anh D trả hết các khoản nợ và thối trả cho chị H 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục và pháp luật áp dụng*: Việc khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Tr, bà Phan Thị T, bà Nguyễn Thị Hoàng A, ông Nguyễn Q, bà Phan Thị V vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn:* Hôn nhân giữa chị H anh D là hôn nhân hợp pháp, vì có đăng ký kết hôn vào năm 2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, nguyên nhân hai bên không nhường nhịn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1/2019 đến nay, chị H xin ly hôn, anh D mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án đã tiến

hành hòa giải nhiều lần và động viên vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng*: Chị H và anh D có 01 con chung Nguyễn Văn Th, sinh ngày 23/11/2012, con hiện sống với chị H từ khi cha mẹ ly thân đến nay. Xét thấy chị H có nguyện vọng nuôi con, có sức khỏe và công việc làm nuôi con đảm bảo. Do đó tiếp tục giao cháu Th cho chị H nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Việc chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 2.000.000 đồng là hơi cao so với điều kiện sống và thu nhập của anh D hiện tại, nên chấp nhận mức 1.500.000 đồng một tháng, là phù hợp Điều 107, 110, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về yêu cầu tranh chấp tài sản chung khi ly hôn*: Vợ chồng có tài sản chung là căn nhà xây cấp 4 và 01 xe mô tô. Có tổng giá trị theo Hội đồng định giá ngày 27/9/2019 là 173.202.000 đồng. Do căn nhà nằm trên đất của cha, mẹ anh D nên giao căn nhà này cho anh D sở hữu là phù hợp. Chị H chỉ yêu cầu anh D thối trả cho chị H 30.000.000 đồng cùng 01 chiếc xe trị giá 10.575.000 đồng. Xét yêu cầu này là phù hợp, vì cha, mẹ chị H cũng hổ trợ một phần khi làm nhà. Do vậy giao cho chị H sở hữu 01 xe mô tô biển số 86B8-186.49 mang tên Nguyễn Văn D trị giá 10.575.000 đồng, đồng thời anh D thối trả cho chị H 30.000.000 đồng là phù hợp Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Đối với các khoản nợ của vợ chồng ông Tr 40.000.000 đồng, nợ bà V 5.000.000 đồng và nợ bà Nguyễn Thị Hoàng A theo chị H khai là 7.800.000 đồng, còn anh D khai là 11.300.000 đồng. Mặc dù Tòa án đã ra thông báo cho những đương sự này biết, nếu ai có yêu cầu chị H và anh D trả nợ thì làm đơn khởi kiện. Tuy nhiên không có ai khởi kiện. Do đó trong bản án này không có căn cứ về pháp luật để xem xét buộc chị H và anh D trả nợ cho những đương sự này. Nếu sau này ai có yêu cầu thì anh D phải có trách nhiệm trả, vì anh D được nhận phần tài sản có

giá trị lớn hơn chị H, sau khi đã trừ đi số nợ chung của chị H và anh D phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

[6] Nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản: Anh D và chị H mỗi người chịu ½ chi phí định giá tài sản.

[7] *Về án phí:* Chị H chịu án phí ly hôn. Anh D chịu án phí cấp dưỡng. Chị H và anh D chịu án phí chia tài sản tương ứng phần giá trị tài sản được nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 38, 51, 56, 59 , 107, 110, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 210, 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.*Về hôn nhân*: Trương Thị Thanh H ly hôn Nguyễn Văn D.

2. *Về nuôi con sau khi ly hôn:* Trương Thị Thanh H được quyền trực tiếp nuôi con: Nguyễn Văn Th, sinh ngày 23/11/2012. Nguyễn Văn D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng: Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Văn Th mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Văn Th tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày Trương Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn D chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân

sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Phần cấp dưỡng nuôi con có hiệu lực thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị, khiếu nại, kiến nghị.

4.Về chia tài sản chung: Chia cho Nguyễn Văn D được quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4B diện tích 43,3m^2 trị giá 145.483.000 đồng; công trình nhà vệ sinh diện tích 5m^2 trị giá 11.500.000 đồng; 01 mái hiên trước nhà diện tích 14,7m^2 trị giá 1.837.000 đồng; 01 sân xi măng phía trước nhà diện tích 25,38m^2 trị giá 3.807.000 đồng. Tổng giá trị tài sản được nhận có giá trị 162.627.000 đồng. Nguyễn Văn D có nghĩa vụ thối trả cho Trương Thị Thanh H số tiền 30.000.000 đồng. Tài sản Nguyễn Văn D được quyền sở hữu trị giá 132.627.000 đồng. Nhà nằm trên quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Tr và bà Phan Thị T tại tổ 11, thôn 8, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chia cho Trương Thị Thanh H được quyền sở hữu tài sản, gồm 01 chiếc mô tô biển số 86B8- 186.49, mang tên Nguyễn Văn D trị giá 10.575.000 đồng và 30.000.000 đo do Nguyễn Văn D thối trả. Tổng giá trị tài sản Trương Thị Thanh H được sở hữu trị giá 40.575.000 đồng. Các bên có nghĩa vụ sang tên người đứng tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 86B8- 186.49, theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Trương Thị Thanh H đối với khoản tiền thối trả tài sản cho đến khi thi hành án xong, Nguyễn Văn D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Trương Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn và 2.028.000 đồng án phí về chia tài sản, nhưng được trừ vào số tiền 2.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025530 ngày 30/7/2019 và biên lai thu tiền số 0003169 ngày 30/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Trương Thị Thanh H còn phải nộp 28.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng và 6.631.000 đồng án phí chia tài sản.

6.*Về chi phí định giá tài sản*: Trương Thị Thanh H và Nguyễn Văn D mỗi người phải chịu 600.000 đồng chi phí định giá tài sản. Nguyễn Văn D phải nộp lại 600.000 đồng để hoàn trả cho Trương Thị Thanh H đã chi.

7. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (26/11/2019), bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

8. Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
TAND tỉnh
VKSND huyện
THADS huyện
Các đương sự
Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái